

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ II năm học 2016- 2017

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ- CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ- BTC ngày 23/2/2017 của Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2016- 2017;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ- TCDT ngày 23/2/2017 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2016- 2017;

Căn cứ Công văn số 892/CV- HĐND ngày 27/12/2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục địa bàn (thôn, bản) và khoảng cách học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày để thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ- CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 482/TTr-SGDĐT ngày 17/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ II năm học 2016- 2017, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Đối tượng được hỗ trợ: Học sinh đang học học kỳ II tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ- CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

2. Số lượng học sinh được hưởng: 19.435 học sinh, thuộc 252 trường;

3. Số lượng gạo hỗ trợ: 1.183.275 kg, trong đó:

- Số lượng gạo còn lại của học kỳ I năm học 2016- 2017: 12.630 kg;

- Số lượng gạo cấp học kỳ II năm học 2016- 2017: 1.170.645 kg.

4. Mức hỗ trợ: 15kg/01 tháng/01 học sinh.

5. Nguồn gạo hỗ trợ: Từ nguồn dự trữ quốc gia theo Quyết định số 342/QĐ- BTC ngày 23/2/2017 của Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2016- 2017.

(Nội dung chi tiết về số lượng gạo cấp cho các trường và số lượng học sinh của mỗi trường được hưởng tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa có trách nhiệm đóng bao thuận lợi, vận chuyển và giao gạo hỗ trợ học sinh tại điểm trường chính (có đường ô tô) của các trường có học sinh được hỗ trợ, đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. UBND các huyện, xã và đơn vị được hỗ trợ gạo có trách nhiệm phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa trong công tác giao, nhận gạo hỗ trợ; đồng thời, cấp gạo hỗ trợ kịp thời cho học sinh, đảm bảo đúng đối tượng, định mức theo quy định.

3. Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm huyện đến các điểm trường chính của các Nhà trường do Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa lập, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra UBND các huyện thực hiện việc hỗ trợ gạo cho học sinh, đảm bảo đúng quy tại Nghị định số 116/2016/NĐ- CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện.

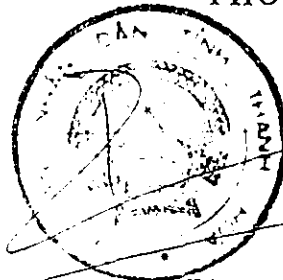
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa, Chủ tịch UBND các huyện và thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
- PCVP Phạm Đình Minh;
- Lưu: VT, VX.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền



PHỤ LỤC

Cấp gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ II năm học 2016 - 2017

(Kèm theo Quyết định số : 90 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên trường	Tổng số học sinh được hỗ trợ	Phân theo bậc học			Định mức hỗ trợ/học sinh (15 kg)	Số tháng được hỗ trợ HKII năm học 2016 - 2017	Số tháng cấp bù HKI năm học 2016- 2017	Số gạo còn lại của HKI năm học 2016 - 2017 (kg)	Số gạo được hỗ trợ HKII năm học 2016 - 2017 (kg)
			Tiểu học	THCS	THPT					
(1)	(2)	(3)= (4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=((8)+(9))x (3)x(7) -(10))
1	Huyện Mường Lát	2.239	449	1.195	595				1.800	132.540
1	Trường Tiểu học Mường Chanh	30	30			15	4			1.800
2	Trường Tiểu học Quang Chiêu 1	43	43			15	4			2.580
3	Trường Tiểu học Quang Chiêu 2	34	34			15	4			2.040
4	Trường Tiểu học Tén Tán	18	18			15	4			1.080
5	Trường Tiểu học Tam Chung	141	141			15	4			8.460
6	Trường Tiểu học Pù Nhi	55	55			15	4			3.300
7	Trường Tiểu học Nhi Sơn	5	5			15	4			300
8	Trường Tiểu học Trung Lý 1	50	50			15	4			3.000
9	Trường Tiểu học Trung Lý 2	12	12			15	4			720
10	Trường Tiểu học Tây Tiến	3	3			15	4			180
11	Trường Tiểu học Mường Lý	58	58			15	4			3.480
12	Trường THCS Quang Chiêu	64		64		15	4			3.840
13	Trường THCS Tén Tán	30		30		15	4		15	1.785
14	Trường THCS Pù Nhi	219		219		15	4			13.140

15	Trường THCS Nhi Sơn	72		72		15	4			4.320
16	Trường PTDTBT THCS Trung Lý	314		314		15	4			18.840
17	Trường PTDTBT THCS Tam Chung	196		196		15	4			11.760
18	Trường PTDTBT THCS Mường Lát	300		300		15	4		480	17.520
19	Trường THPT Mường Lát	595			595	15	4		1.305	34.395
2	Huyện Quan Hóa	2.192	540	1.055	597				780	130.815
1	Trường Tiểu học Xuân Phú	30	30			15	4			1.800
2	Trường Tiểu học Hồi Xuân	27	27			15	4			1.620
3	Trường Tiểu học Nam Xuân	3	3			15	4			180
4	Trường Tiểu học Nam Động	44	44			15	4			2.640
5	Trường Tiểu học Nam Tiến	17	17			15	4			1.020
6	Trường Tiểu học Thiên Phú	25	25			15	4			1.500
7	Trường Tiểu học Thanh Xuân	38	38			15	4			2.280
8	Trường Tiểu học Phú Lệ	12	12			15	4			720
9	Trường Tiểu học Phú Thanh	40	40			15	4			2.400
10	Trường Tiểu học Thành Sơn	83	83			15	4			4.980
11	Trường Tiểu học Trung Thành	87	87			15	4			5.220
12	Trường Tiểu học Trung Sơn	134	134			15	4			8.040
13	Trường THCS Thị Trấn	27		27		15	4			1.620
14	Trường THCS Hồi Xuân	92		92		15	4			5.520
15	Trường THCS Nam Xuân	35		35		15	4			2.100
16	Trường THCS Nam Tiến	53		53		15	4			3.180
17	Trường THCS Hiền Chung	27		27		15	4			1.620
18	Trường THCS Hiền Kiệt	42		42		15	4			2.520
19	Trường THCS Phú Sơn	119		119		15	4			7.140
20	Trường THCS Phú Lệ	30		30		15	4			1.800
21	Trường THCS Thành Sơn	43		43		15	4			2.580
22	Trường THCS Trung Thành	149		149		15	4		45	8.895
23	Trường THCS Trung Sơn	80		80		15	4			4.800
		1		1		15	4	5		135
24	Trường PTDTBT THCS Nam Động	90		90		15	4		225	5.175
25	Trường PTDTBT THCS Thanh Xuân	119		119		15	4		75	7.065

26	Trường PTDTBT THCS Phú Thạnh	60		60		15	4		120	3.480
27	Trường THCS & THPT Quan Hóa	336		88	248	15	4		315	19.845
28	Trường THPT Quan Hóa	349			349	15	4			20.940
3	Huyện Quan Sơn	2.661	694	1.136	831					159.660
1	Trường Tiểu học Trưng Xuân	73	73			15	4			4.380
2	Trường Tiểu học Trung Tiến	11	11			15	4			660
3	Trường Tiểu học Sơn Lư	5	5			15	4			300
4	Trường Tiểu học Sơn Hà	54	54			15	4			3.240
5	Trường Tiểu học Tam Lư	114	114			15	4			6.840
6	Trường Tiểu học Tam Thanh	148	148			15	4			8.880
7	Trường Tiểu học Sơn Điện 1	5	5			15	4			300
8	Trường Tiểu học Sơn Điện 2	37	37			15	4			2.220
9	Trường Tiểu học Sơn Thủy	73	73			15	4			4.380
10	Trường Tiểu học Na Mèo	93	93			15	4			5.580
11	Trường Tiểu học & THCS Thị trấn	105	81	24		15	4			6.300
12	Trường THCS Trung Xuân	46		46		15	4			2.760
13	Trường PTDTBT THCS Trung Hạ	106		106		15	4			6.360
14	Trường PTDTBT THCS Trung Tiến	124		124		15	4			7.440
15	Trường PTDTBT THCS Trung Thượng	69		69		15	4			4.140
16	Trường THCS Sơn Lư	23		23		15	4			1.380
17	Trường THCS Sơn Hà	84		84		15	4			5.040
18	Trường THCS Tam Lư	84		84		15	4			5.040
19	Trường PTDTBT THCS Tam Thanh	180		180		15	4			10.800
20	Trường PTDTBT THCS Sơn Điện	112		112		15	4			6.720
21	Trường THCS Mường Mìn	57		57		15	4			3.420
22	Trường PTDTBT THCS Sơn Thủy	137		137		15	4			8.220
23	Trường PTDTBT THCS Na Mèo	90		90		15	4			5.400
24	Trường THPT Quan Sơn	514			514	15	4			30.840
25	Trường THPT Quan Sơn 2	317			317	15	4			19.020
4	Huyện Bá Thước	1.621	183	426	1.012				75	97.185
1	Trường Tiểu học Lương Trung 2	3	3			15	4			180
2	Trường Tiểu học Ái Thượng	17	17			15	4			1.020

3	Trường Tiểu học Hùng Niệm	10	10			15	4			600
4	Trường Tiểu học Thiết Ống 1	64	64			15	4			3.840
5	Trường Tiểu học Lâm Xa	3	3			15	4			180
6	Trường Tiểu học Lũng Cao 2	1	1			15	4			60
7	Trường Tiểu học Thành Lâm	1	1			15	4			60
8	Trường Tiểu học Văn Nho	33	33			15	4			1.980
9	Trường Tiểu học Lương Trung 1	8	8			15	4			480
10	Trường Tiểu học Lương Nội	25	25			15	4			1.500
11	Trường Tiểu học Điền Quang 1	10	10			15	4			600
12	Trường Tiểu học Thiết Ống 2	4	4			15	4			240
13	Trường Tiểu học Kỳ Tân	4	4			15	4			240
14	Trường THCS Cổ Lũng	40		40		15	4			2.400
15	Trường THCS Điền Thượng	8		8		15	4			480
16	Trường THCS Văn Nho	6		6		15	4			360
17	Trường THCS Thành Sơn	63		63		15	4			3.780
18	Trường THCS Kỳ Tân	14		14		15	4			840
19	Trường THCS Lũng Cao	78		78		15	4			4.680
20	Trường THCS Thành Lâm	36		36		15	4			2.160
21	Trường THCS Lũng Niên	19		19		15	4			1.140
22	Trường THCS Lương Trung	35		35		15	4			2.100
23	Trường THCS Thiết Ống	63		63		15	4			3.780
24	Trường THCS Lâm Xa	63		63		15	4		75	3.705
25	Trường THCS Ban Công	1		1		15	4			60
26	Trường THPT Bá Thước	434			434	15	4			26.040
27	Trường THPT Hà Văn Mao	336			336	15	4			20.160
28	Trường THPT Bá Thước 3	242			242	15	4			14.520
5	Huyện Lang Chánh	1.287	214	518	555				720	76.500
1	Trường Tiểu học Yên Khương 1	14	14			15	4			840
2	Trường Tiểu học Giao Thiện 1	51	51			15	4			3.060
3	Trường Tiểu học Yên Thắng 1	45	45			15	4			2.700
4	Trường Tiểu học Quang Hiến	10	10			15	4			600
5	Trường Tiểu học Lâm Phú	1	1			15	4			60

6	Trường Tiểu học Trí Nang	1	1			15	4		60
7	Trường Tiểu học Yên Khương II	91	91			15	4		5.460
8	Trường THCS Yên Khương	65		65		15	4		3.900
9	Trường THCS Tam Văn	55		55		15	4		3.300
10	Trường THCS Tân Phúc	95		95		15	4		5.700
11	Trường THCS Yên Thắng	72		72		15	4		4.320
12	Trường THCS Đồng Lương	15		15		15	4		900
13	Trường THCS Trí Nang	21		21		15	4		1.260
14	Trường PTDTBT THCS Giao Thiện	127		127		15	4		7.620
15	Trường THCS Quang Hiến	1	1			15	4	30	30
16	Trường THCS Lâm Phú	68		68		15	4		4.080
17	Trường THPT Lang Chánh	555			555	15	4	690	32.610
6	Huyện Ngọc Lặc	1.305	256	306	743			1.800	76.500
1	Trường Tiểu học Vân Am 1	70	70			15	4		4.200
2	Trường Tiểu học Vân Am 2	65	65			15	4		3.900
3	Trường Tiểu học Thạch Lập 1	12	12			15	4		720
4	Trường Tiểu học Thạch Lập 2	74	74			15	4		4.440
5	Trường Tiểu học Phùng Minh	26	26			15	4		1.560
6	Trường Tiểu học Phùng Giáo	9	9			15	4		540
7	Trường THCS Phùng Giáo	33		33		15	4		1.980
8	Trường THCS Vân Am	98		98		15	4		5.880
9	Trường THCS Thạch Lập	114		114		15	4		6.840
10	Trường THCS Thủy Sơn	55		55		15	4		3.300
11	Trường THCS Phùng Minh	6		6		15	4		360
12	Trường THPT Ngọc Lặc	322			322	15	4	1.800	17.520
13	Trường THPT Lê Lai	254			254	15	4		15.240
14	Trường THPT Bắc Sơn	167			167	15	4		10.020
7	Huyện Cẩm Thủy	684	349	40	295				41.040
1	Trường THPT Cẩm Thủy 1	136			136	15	4		8.160
2	Trường THPT Cẩm Thủy 2	61			61	15	4		3.660
3	Trường THPT Cẩm Thủy 3	98			98	15	4		5.880
4	Trường THCS Cẩm Thành	40		40		15	4		2.400

5	Trường Tiểu học Cẩm Thành	104	104			15	4			6.240
6	Trường Tiểu học Cẩm Liên	28	28			15	4			1.680
7	Trường Tiểu học Cẩm Châu	194	194			15	4			11.640
8	Trường Tiểu học Cẩm Nhú	23	23			15	4			1.380
8	Huyện Thạch Thành	1.128	511	241	376				45	68.535
1	Trường Tiểu học Thạch Cẩm 1	30	30			15	4			1.800
2	Trường Tiểu học Thạch Tượng 1	1	1			15	4			60
3	Trường Tiểu học Thạch Tượng 2	50	50			15	4			3.000
4	Trường Tiểu học Thành Mỹ	148	148			15	4			8.880
5	Trường Tiểu học Thạch Lâm 1	45	45			15	4			2.700
6	Trường Tiểu học Thành Yên	74	74			15	4			4.440
7	Trường Tiểu học Thạch Lâm 2	49	49			15	4			2.940
8	Trường Tiểu học Thành Công	41	41			15	4			2.460
9	Trường Tiểu học Thành Minh	10	10			15	4			600
10	Trường Tiểu học Thành Minh 2	63	63			15	4			3.780
11	Trường THCS Thành Yên	37		37		15	4		45	2.175
12	Trường THCS Thạch Tượng	33		33		15	4			1.980
13	Trường THCS Thạch Lâm	49		49		15	4			2.940
14	Trường THCS Thành Mỹ	107		107		15	4			6.420
15	Trường THCS Thành Minh	15		15		15	4			900
16	Trường THPT Thạch Thành 1	19		19		15	4			1.140
		3		3		15	4	5		405
17	Trường THPT Thạch Thành 2	37		37		15	4			2.220
18	Trường THPT Thạch Thành 3	213		213		15	4			12.780
		9		9		15	4	5		1.215
19	THPT Thạch Thành 4	95		95		15	4			5.700
9	Huyện Thường Xuân	3.209	952	1.044	1.213				600	201.090
1	Trường Tiểu học Bát Mọt 1	59	59			15	4			3.540
		59	59			15	4	5		7.965
2	Trường Tiểu học Bát Mọt 2	9	9			15	4			540

3	Trường Tiểu học Luận Khê 1	76	76			15	4			4.560
4	Trường Tiểu học Luận Khê 2	110	110			15	4			6.600
		3	3			15	4	5		405
5	Trường Tiểu học Luận Thành	34	34			15	4			2.040
		21	21			15	4	5		2.835
6	Trường Tiểu học Tân Thành 1	21	21			15	4			1.260
7	Trường Tiểu học Tân Thành 2	2	2			15	4			120
8	Trường Tiểu học Vạn Xuân	42	42			15	4			2.520
9	Trường Tiểu học Xuân Cẩm	47	47			15	4			2.820
		1	1			15	4	5		135
10	Trường Tiểu học Xuân Chinh	90	90			15	4			5.400
11	Trường Tiểu học Xuân Lệ	125	125			15	4			7.500
12	Trường Tiểu học Xuân Lộc	63	63			15	4			3.780
		1	1			15	4	5		135
13	Trường Tiểu học Xuân Thắng	64	64			15	4			3.840
14	Trường Tiểu học Yên Nhân 1	61	61			15	4			3.660
15	Trường Tiểu học Yên Nhân 2	64	64			15	4			3.840
16	Trường THCS Luận Thành	96		96		15	4			5.760
17	Trường THCS Tân Thành	3		3		15	4			180
18	Trường THCS Vạn Xuân	57		57		15	4			3.420
		9		9		15	4	5		1.215
19	Trường THCS Xuân Cẩm	17		17		15	4			1.020
		25		25		15	4	5		3.375
20	Trường THCS Xuân Lộc	8		8		15	4			480
21	Trường THCS Xuân Thắng	34		34		15	4			2.040
22	Trường PTDTBT THCS Bát Mọt	137		137		15	4			8.220
		2		2		15	4	5		270
23	Trường PTDTBT THCS Luận Khê	220		220		15	4			13.200
24	Trường PTDTBTTHCS Xuân Chinh	116		116		15	4			6.960
25	Trường PTDTBT THCS Xuân Lệ	153		153		15	4			9.180

26	Trường PTDTBT THCS Yên Nhân	167		167		15	4			10.020
27	Trường THPT Cẩm Bá Thước	181			181	15	4			10.860
28	Trường THPT Thường Xuân 2	513			513	15	4			30.780
29	Trường THPT Thường Xuân 3	518			518	15	4		600	30.480
		1			1	15	4	5		135
10	Huyện Như Thanh	1.343	330	400	613					86.430
1	Trường Tiểu học Cán Khê	44	44			15	4			2.640
2	Trường Tiểu học Mậu Lâm 2	3	3			15	4			180
3	Trường Tiểu học Phượng nghi	1	1			15	4			60
4	Trường Tiểu học Thanh Kỳ	31	31			15	4			1.860
5	Trường Tiểu học Thanh tân 1	139	139			15	4			8.340
6	Trường Tiểu học Thanh Tân 2	60	60			15	4			3.600
7	Trường Tiểu học Xuân Khang 1	9	9			15	4			540
8	Trường Tiểu học Xuân Khang 2	2	2			15	4			120
9	Trường Tiểu học Xuân Thái	11	11			15	4			660
10	Trường Tiểu học Yên lạc	30	30			15	4			1.800
11	Trường TH& THCS Phúc Đường	10		10		15	4			600
12	Trường THCS Thanh Kỳ	49		49		15	4			2.940
13	Trường THCS Thanh Tân	209		209		15	4			12.540
		20		20		15	4	5		2.700
14	Trường THCS Xuân Khang	2		2		15	4			120
15	Trường THCS Xuân Thái	98		98		15	4			5.880
16	Trường THPT Như Thanh	165			165	15	4			9.900
17	Trường THCS&THPTNhư Thanh	119		12	107	15	4			7.140
18	Trường THPT Như Thanh 2	283			283	15	4			16.980
		58			58	15	4	5		7.830
11	Huyện Như Xuân	1.089	280	196	613				6.810	58.530
1	Trường Tiểu học Bình Lương	10	10			15	4			600
2	Trường Tiểu học Cát Tân	21	21			15	4		315	945
3	Trường Tiểu học Thanh Xuân	16	16			15	4		240	720

4	Trường Tiểu học Thanh Lâm	62	62			15	4			3.720
5	Trường Tiểu học Thanh Phong	17	17			15	4		255	765
6	Trường Tiểu học Thanh Quán	44	44			15	4		660	1.980
7	Trường Tiểu học & THCS Cát Vân	41	41			15	4		615	1.845
8	Trường Tiểu học & THCS Tân Bình	52	52			15	4			3.120
9	Trường Tiểu học & THCS Yên Lễ	31	17	14		15	4			1.860
10	Trường Tiểu học & THCS Thanh Hòa	17		17		15	4			1.020
11	Trường THCS Thanh Lâm	15		15		15	4		225	675
12	Trường THCS Thanh Xuân	25		25		15	4		375	1.125
13	Trường THCS Bình Lương	50		50		15	4			3.000
14	Trường THCS Thanh Phong	12		12		15	4		180	540
15	Trường THCS Thanh Sơn	22		22		15	4		330	990
16	Trường THCS Cát Tân	23		23		15	4		345	1.035
17	Trường THCS Xuân Bình	18		18		15	4		270	810
18	Trường THPT Như Xuân	521			521	15	4		3.000	28.260
19	Trường THPT Như Xuân 2	92			92	15	4			5.520
12	Huyện Vĩnh Lộc	203	138	44	21					13.380
1	Trường Tiểu học Vĩnh Hùng	56	56			15	4			3.360
		11	11			15	4	5		1.485
2	Trường Tiểu học Vĩnh Thịnh	71	71			15	4			4.260
3	Trường THCS Vĩnh Thịnh	39		39		15	4			2.340
		5		5		15	4	5		675
4	Trường THPT Vĩnh Lộc	3			3	15	4			180
5	Trường THPT Trần Khát Chân	18			18	15	4			1.080
13	Huyện Yên Định	99	35		64					5.940
1	Trường Tiểu học Yên Lâm	35	35			15	4			2.100
2	Trường THCS&THPT Thống Nhất	48			48	15	4			2.880
3	Trường THPT Yên Định 3	16			16	15	4			960
14	Huyện Thọ Xuân	108	36	46	26					6.480
1	Trường Tiểu học Xuân Phú	36	36			15	4			2.160
2	Trường THCS Xuân Phú	46		46		15	4			2.760
3	Trường THPT Thọ Xuân 5	23			23	15	4			1.380
4	Trường THPT Lam Kinh	3			3	15	4			180

15	Huyện Tĩnh Gia	228	116	65	47					13.680
1	Trường Tiểu học Tân Trường	50	50			15	4			3.000
2	Trường Tiểu học Phú Sơn	38	38			15	4			2.280
3	Trường Tiểu học Phú Lâm	26	26			15	4			1.560
4	Trường Tiểu học Ninh Hải	2	2			15	4			120
5	Trường THCS Tân trường	38		38		15	4			2.280
6	Trường THCS Phú Sơn	27		27		15	4			1.620
7	Trường THPT Tĩnh Gia 1	13			13	15	4			780
8	Trường THPT Tĩnh Gia 3	24			24	15	4			1.440
9	Trường THPT Tĩnh Gia 5	10			10	15	4			600
16	Huyện Hoằng Hóa	9			9					540
1	Trường THPT Lương Đắc Bằng	4			4	15	4			240
2	Trường THPT Lê Việt Tạo	5			5	15	4			300
17	Huyện Hậu Lộc	19	7		12					1.140
1	Trường Tiểu học Hưng Lộc I	3	3			15	4			180
2	Trường Tiểu học Hưng Lộc II	4	4			15	4			240
3	Trường THPT Đinh Chương Dương	11			11	15	4			660
4	Trường THPT Hậu lộc I	1			1	15	4			60
18	Huyện Hà Trung	11			11					660
1	Trường THPT Hà Trung	11			11	15	4			660
252	Tổng cộng	19.435	5.090	6.712	7.633				12.630	1.170.645